TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TÂY NINH** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 77/2023/HNGĐ - ST
Ngày: 27-12-2023.
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂY NINH, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Ánh Tuyết.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Thanh Phong;
2. Bà Nguyễn Thị Bích Phượng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngọc Lan, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên toà*:** Bà Nguyễn Ngọc Nhiên, Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 383/2023/TLST - HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 71/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Biện Thị B, sinh năm 1990; có mặt.
Hộ khẩu thường trú: Đường A, ấp P, xã N, thành phố T, tỉnh Tây Ninh.
Nơi ở hiện nay: ấp 5, xã V, huyện B, tỉnh Tây Ninh.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Tiến C, sinh năm 1989. Cư trú tại: Đường A, ấp P, xã N, thành phố T, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Biện Thị B trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị B và anh C chung sống vợ chồng vào năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Trà Vong, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến khoảng 3, 4 năm nay phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, anh C không chăm lo cho vợ con, thiếu trách nhiệm trong cuộc sống vợ chồng, không phụ giúp chi phí nuôi dạy con với chị

B, để một mình chị B gánh vác gia đình. Chị B đã khuyên nhủ nhiều lần nhưng anh C không có biện pháp khắc phục. Nay chị B nhận thấy hôn nhân không còn hạnh phúc, chị B không còn yêu thương anh C, đời sống chung không thể kéo dài nên xin ly hôn anh C.

- Về con chung: Chị B và anh C có 02 con chung tên Nguyễn Bào K, sinh năm 2012 và Nguyễn Bảo A, sinh năm 2018. Con chung hiện đang sống chung với anh C, chị B đồng ý giao 02 con chung cho anh C nuôi dưỡng.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Tiến C trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh C thống nhất với lời trình bày của chị B về thời gian chung sống, việc đăng ký kết hôn và mâu thuẫn dẫn đến việc chị B xin ly hôn. Sau khi cưới, anh chị sống chung nhà với gia đình chồng, anh C phải phụ giúp với cha mẹ và lo chi phí sinh hoạt trong gia đình, còn việc chăm sóc con cái thì do chị B đảm nhận. Qúa trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn nhưng không trầm trọng đến mức phải ly hôn. Đến khoảng tháng 9/2023, anh chị có xảy ra cự cãi nên chị B dọn về nhà mẹ ruột tại địa chỉ: ấp 5, xã Trà Vong, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh sinh sống cho đến nay, anh C có đến nhà mẹ vợ năn nỉ chị B về nhưng chị B không về. Nay anh C không đồng ý ly hôn chị B vì anh vẫn còn thương vợ, thương con.

- Về con chung: Chị B và anh C có 02 con chung tên Nguyễn Bào K, sinh năm 2012 và Nguyễn Bảo A, sinh năm 2018. Con chung hiện đang sống với anh C. Nếu ly hôn, anh C xin nuôi con, không yêu cầu chị B cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng thời hạn, nội dung, thẩm quyền theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

+ Về nội dung: Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị B đối với anh C về việc ly hôn, chị B được ly hôn với anh C. Giao 02 con chung tên Nguyễn Bào K, sinh năm 2012 và Nguyễn Bảo A, sinh năm 2018 cho anh C nuôi dưỡng, chị B không cấp dưỡng nuôi con do anh C không có yêu cầu. Không xem xét giải quyết tài sản chung, nợ chung. Giải quyết án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Biện Thị B khởi kiện về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con với bị đơn anh Nguyễn Tiến C có địa chỉ cư trú tại: Đường A, ấp P, xã N, thành phố T, tỉnh Tây Ninh. Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh có thẩm quyền giải quyết vụ án.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Tiến C và chị Biện Thị B chung sống vợ chồng vào năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Trà Vong, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh, là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Theo chị B xác định nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, anh C thiếu quan tâm chăm sóc vợ con, không phụ chi phí với chị B, để chị B gánh vác việc gia đình và chăm lo cho con chung. Chị B có phản ứng nhiều lần nhưng anh C im lặng, không có biện pháp khắc phục. Đến tháng 9 năm 2023 chị B dọn về nhà cha mẹ ruột sinh sống cho đến nay. Anh C có đến gặp chị B để khuyên chị về nhưng chị không đồng ý. Anh C thừa nhận nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn đúng như chị B trình bày nhưng không trầm trọng đến mức phải ly hôn. Tuy nhiên, xét thấy khoảng thời gian từ khi xảy ra mâu thuẫn cho đến nay là khá dài nhưng anh C không có biện pháp giải quyết mâu thuẫn, để mặc cho hôn nhân của Anh Chị lâm vào tình trạng trầm trọng, dẫn đến việc chị B xin ly hôn. Anh C xin đoàn tụ vợ chồng nhưng chị B không đồng ý, hiện nay anh chị đang sống ly thân. Tại phiên toà, chị B xác định không còn yêu thương anh C. Đối chiếu với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa Anh Chị đã ngày càng trầm trọng, không có khả năng hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị B đối với anh C là phù hợp.

- Về con chung: Chị B và anh C có 02 con chung tên Nguyễn Bào K, sinh năm 2012 và Nguyễn Bảo A, sinh năm 2018. Hiện nay con chung đang sống với anh C nên tiếp tục giao cho anh C nuôi dưỡng là phù hợp. Ghi nhận anh C không yêu cầu chị B cấp dưỡng nuôi con. Chị B có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh C, chị B trình bày không có, không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chị B chịu 300.000 đồng.

[4] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh là có

căn cứ và phù hợp với quy định pháp luật nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 54, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Biện Thị B đối với anh Nguyễn Tiến C. Chị Biện Thị B được ly hôn anh Nguyễn Tiến C.

2. Về con chung: Giao 02 con chung tên Nguyễn Bào K, sinh năm 2012 và Nguyễn Bảo A, sinh năm 2018 cho anh Nguyễn Tiến C trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Ghi nhận anh C không yêu cầu chị B cấp dưỡng nuôi con. Chị B có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Biện Thị B chịu 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị B đã nộp theo biên lai thu số 0002695 ngày 26-10-2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh. Chị B đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND. TPTN;
- CC.THADS TPTN;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

Lê Thị Ánh Tuyết